

TT	Tên học phần	Mã học phần	Số tín chỉ
GIAI ĐOẠN 1			
NĂM 1 - HỌC KỲ 1			
1	General English 1	IENG111	3
2	General English 2	IENG112	3
3	Political Economics	IPOL112	2
4	General English 3	IENG113	3
5	General English 4	IENG114	3
6	Public Speaking & Soft skills	ISKI101	3
7	Sport Education	IGYM101/ IGYM201	1
Tổng			18
NĂM 1 - HỌC KỲ 2			
8	General English 5	IENG115	3
9	General English 6	IENG116	3
10	Fundamentals of Information Technology	IINF101	3
11	Marxist-Leninist Philosophy	IPOL111	3
12	Scientific Sociolism	IPOL113	2
13	English for Business	IBUS101	3
14	English for Academic Success	IENG117	3
Tổng			20
NĂM 2 - HỌC KỲ 1			
15	Introduction to Economics	IECO102	3
16	Principles of Accounting	GACC101	3
17	Principles of Management	IMGT101	3
18	Financial Accounting	GACC102	3
19	Business Research Method	KBUS102	3
20	History of Communist Party of Vietnam	POL1115	2
21	Ho Chi Minh Ideology	POL1114	2
Tổng			19
NĂM 2 - HỌC KỲ 2			
22	Principles of Finance	IFIN101	3
23	Business Statistics	ISTA101	3
24	Managerial Accounting	GACC103	3
25	Fundamentals of Law in Business	ILAW101	3
26	Personal and Professional Development	IBUS103	2
27	Industry Visit	IBUS104	1
28	Business, Finance and Sustainability	GFIN103	3
Tổng			18
TỔNG GIAI ĐOẠN 1 (Năm 1 + Năm 2)			75

TT	Tên học phần	Mã học phần	Số tín chỉ
GIAI ĐOẠN 2			
NĂM 3 (HỌC KỲ 5 và HỌC KỲ 6)			
29	Financial Accounting and Reporting	AC5101	15
30	Management Accounting and Decision Making	AC5102	15
31	Corporate Finance	AC5103	15
32	Data Analytics and Visualisation	AC5104	15
33	Audit and Assurance	AC5105	15
34	Principles of Taxation	AC5107	15
35	Applied Forensic Accounting	AC5108	15
36	Quantitative Methods for Finance	AC5112	15
Tổng số CATS Năm 3 (HK 5 + HK 6)			120
NĂM 4 (HỌC KỲ 7 và HỌC KỲ 8)			
37	Corporate Sustainability and Governance	AC6104	15
38	Financial and Corporate Reporting	AC6101	15
39	Advanced Management Accounting	AC6102	15
40	Advanced Financial Management	AC6103	15
41	Advanced Audit and Assurance	AC6105	15
42	Advanced Tax	AC6107	15
43	Portfolio Management	AC6112	15
44	Business Strategy in Action	AC6126	15
Tổng số CATS Năm 4 (HK 7 + HK 8)			120
TỔNG GIAI ĐOẠN 2 (Năm 3 + Năm 4)			240

Lưu ý:

- Chương trình, kế hoạch đào tạo có thể điều chỉnh theo cập nhật của Trường UoG
- Trường hợp sinh viên bảo lưu, khi nhập học lại phải chuyển khoá học, học phí sẽ áp dụng theo khoá học mới